

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022

Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in: 07.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Kumulus DF Fungicide**

Sử dụng: Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, thuốc diệt nấm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Biện pháp phòng ngừa:

P101	Nếu cần tư vấn y tế, nên đem theo hộp đựng hay nhãn sản phẩm.
P102	Tránh xa tầm tay trẻ em.
P103	Đọc nhãn sản phẩm trước khi sử dụng.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022  
Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in): 07.10.2025

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, thuốc diệt nấm, hạt phân tán nước

#### Thành phần nguy hại

sulfur

Hàm lượng (W/W): 80 %  
Số CAS: 7704-34-9

Skin Corr./Irrit.: Cat. 2

Lignosulfonic acid, sodium salt

Hàm lượng (W/W): < 20 %  
Số CAS: 8061-51-6

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến, Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

---

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
bột khô, bọt, Phun nước

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
carbon monoxide, carbon dioxide, các oxit sulfur  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:  
Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ Giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước nếu tiếp xúc với lửa. Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:  
Tránh bụi. Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:  
Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Không thải vào tầng đất nền/đất.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:  
Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.  
Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.  
Tránh làm phát sinh bụi. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín. Lau dọn sàn và vật nhiễm bẩn với nước và chất tẩy vết bẩn, tuân thủ các quy định về môi trường.

---

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### Hướng dẫn sử dụng

Không cần thiết có các biện pháp đặc biệt nếu được cất trữ và sử dụng đúng. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hoá chất Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

Phòng chống cháy nổ:  
Tránh bụi. Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với khí. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022  
Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in): 07.10.2025

#### Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt Chống ẩm. Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Tính ổn định lưu trữ:

Thời gian lưu trữ: 60 Months

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C

Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

## **8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**

#### Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp chưa được biết đến.

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Yêu cầu thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Những công bố về thiết bị bảo hộ cá nhân trong các hướng dẫn sử dụng áp dụng khi xử lý các tác nhân bảo vệ mùa màng trong các bao bì tiêu dùng cuối cùng. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

## **9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất**

Dạng:

chất rắn

Màu sắc:

Màu xám nâu đến nâu

Mùi:

mùi nhẹ đặc trưng, tương tự Lưu huỳnh

Ngưỡng mùi:

Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022

Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in): 07.10.2025

Giá trị pH:	tương đương 7 - 9 (Tiêu chuẩn D đối với nước theo CIPAC, 1 %(m), 20 °C)	(pH kế)
Điểm nóng chảy:	tương đương 112 - 116 °C	
Điểm sôi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Điểm chớp cháy:	không áp dụng	
Tốc độ bay hơi:	không áp dụng	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	tương đương 25 g/m <sup>3</sup>	(VDI 2263)
Giới hạn nổ trên (UEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Phân huỷ do nhiệt:	165 °C , 50 kJ/kg (nhiệt độ bắt đầu)	(DSC (OECD 113))
	265 °C , 30 kJ/kg (nhiệt độ bắt đầu) Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1	(DSC (OECD 113))
Tự bắt cháy:	Nhiệt độ: 246 °C	(Phương pháp: Chỉ thị 92/69/EEC, A.16)
Khả năng tự gia nhiệt:	Điểm nóng chảy chưa được thí nghiệm.	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	Sản phẩm không được thí nghiệm.	
Tỷ trọng:	tương đương 1.88 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	870 - 953 kg/m <sup>3</sup>	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng	
Tính tan trong nước:	có thể phân tán	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không áp dụng	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022  
Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in): 07.10.2025

Tính nhớt, động lực:

không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân hủy do nhiệt: 165 °C, 50 kJ/kg (DSC (OECD 113))  
(nhiệt độ bắt đầu)

Phân hủy do nhiệt: 265 °C, 30 kJ/kg (DSC (OECD 113))  
(nhiệt độ bắt đầu) Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân hủy theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1

Những chất cần tránh:

các chất bazơ mạnh, các axit mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường phơi nhiễm

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): &gt; 2,200 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

#### Độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): &gt; 5.4 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)

#### Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): &gt; 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Hầu như không độc khi hít phải.

#### Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến. Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

### **Kích ứng**

Đánh giá tác động kích ứng:  
Không gây kích ứng mắt. Không gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: (OECD hướng dẫn 405)

### **Dị ứng da/hô hấp**

Đánh giá tính nhạy cảm:  
Không có bằng chứng cho thấy khả năng gây mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: (OECD hướng dẫn 406)

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Thí nghiệm đột biến cho thấy không có khả năng độc tính gen.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả từ các nghiên cứu khác nhau trên động vật không cho thấy sự hiện diện của tác nhân gây ung thư.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:  
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ.

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Ghi chú: Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

### **Thông tin độc tính liên quan khác**

Sử dụng sai có thể làm nguy hại đến sức khỏe.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, *Oncorhynchus mykiss*

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 1,000 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 290 mg/l, *Ankistrodesmus bibraianus* (Hướng dẫn OECD 201)

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (18 h) > 2,000 mg/l, *Pseudomonas putida* (tính điện)

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: sulfur

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### **Tính bền và tính biến chất**

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022  
 Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in): 07.10.2025

Thông tin trên: sulfur  
 Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):  
 Không áp dụng đối với chất vô cơ.

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:  
 Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: sulfur  
 Khả năng tích lũy sinh học:  
 Không có khả năng tích lũy trong sinh khối. Sản phẩm không có tính khả dụng sinh học do độ ổn định và tính không thể hòa tan trong nước của nó.

### Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:  
 Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

## 13. Thông tin về thải bỏ

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:  
 Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể và được xử lý theo cách thức tương tự như chất/sản phẩm.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

### Vận tải đường thủy

IMDG  
 Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải  
 Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

### Sea transport

IMDG  
 Not classified as a dangerous good under transport regulations  
 UN number or ID number: Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022  
 Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in: 07.10.2025

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng	UN proper shipping name:	Not applicable
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những quy định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:

Nhóm đóng gói:

Mối nguy hiểm về môi trường:

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng

Chưa có thông tin

**Air transport**

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

**15. Thông tin về pháp luật****Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có).
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, tuân theo các hướng dẫn sử dụng.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2022  
Sản phẩm: **Kumulus DF Fungicide**

Phiên bản: 3.0

(30035209/SDS\_CPA\_VN/VI)

Ngày in): 07.10.2025

---

## **16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

---

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.